TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN T2** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 4-2024
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN T2, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 8 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989.
HKTT: Tổ 14, Ấp Bến S, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, Đồng Nai.
Địa chỉ: Số 108, tổ 5, ấp Bến S, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, Đồng Nai.
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn T T2, sinh năm 1987.
HKTT: Tổ 14, Ấp Bến S, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, Đồng Nai.
Địa chỉ: Tổ 14, Ấp Bến S, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, Đồng Nai.
(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày*: Chị và anh Nguyễn T T2 chung sống trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước T1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai vào năm 2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì vào đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng bất hòa, gây gổ. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T2 và cương quyết xin ly hôn với anh T2 vì không còn tình cảm vợ chồng.

- Về Con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T T3, sinh ngày 26/8/2006, Nguyễn T P, sinh ngày 07/10/2011. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P, giao cháu T3 cho anh T2 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa T2, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn T T2 đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn T T2 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2007, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị T T3, sinh ngày 26/8/2006, Nguyễn T P, sinh ngày 07/10/2011. Chị T khai nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên bất hòa, gây gổ. Nay chị T xin ly hôn anh T2, xin nuôi con chung là cháu P, giao cháu T3 cho anh T2 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn T T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T2.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn T T2. Anh T2 cư trú tại : Tổ 14, ấp Bến S, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2 có

thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp ly hôn".Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T bị đơn là anh Nguyễn T T2.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn T T2 có đăng ký kết hôn vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân xã Phước T1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T khai là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vả. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T2 đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị T ly hôn anh T2 là phù hợp.

[4]. Con chung: Chị T khai chị và anh T2 có 02 con chung là Nguyễn Thị T T3, sinh ngày 26/8/2006, Nguyễn T P, sinh ngày 07/10/2011,chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P, giao cháu T3 cho anh T2 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu P cũng có nguyện vọng được sống cùng chị T, cháu T3 cũng có nguyện vọng được sống cùng anh T2 .Vì vậy cần giao cháu P chị T nuôi dưỡng, giao cháu T3 cho anh T2 tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: Tự thỏa T2 nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị T khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Nguyễn T T2.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Nguyễn T T2.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn T P, sinh ngày 07/10/2011 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị T T3, sinh ngày 26/8/2006 cho anh T2 nuôi dưỡng. Tạm thời chị T, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm

sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002144 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn T T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Nhơn T2;
- VKSND H. Nhơn T2;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước T1;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Mai